

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-ST
Ngày: 22 – 09 – 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lì
2. Bà Đỗ Kim Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần C
Địa chỉ: Số A T, quận H., thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L – Phó phòng - Phòng giao dịch huyện Đ

- *Bị đơn:* Bà Lê N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Bà Văn Thị N1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị G, sinh năm 1962

Anh Lê B1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

(*Đại diện nguyên đơn và bà Trần Thị G có mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2022, bản tự khai đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/02/2020 bà Lê N, bà Văn Thị N1 có ký hợp đồng tín dụng số ĐH-69-019/2020-HĐCVHM/NHCT862 với Ngân hàng TMCP C để vay số tiền 500.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay bổ sung vốn thu mua cá các loại; lãi suất trong hạn 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Phương thức thanh toán trả lãi vay vào ngày 20 hàng tháng, vốn vay trả cuối kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay thì bà Trần Thị G có thể chấp tại Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 125,2m² tại thửa số 193, tờ bản đồ số 46, đất toạ lạc tại ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 314571 ngày 21/2/2018 do UBND huyện Đ cấp cho bà Trần Thị G.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê N đã trả được số tiền gốc 100.000.000 đồng. Khi đến hạn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, bà Lê N không thanh toán toàn bộ nợ gốc còn lại là 400.000.000 đồng, đã vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Tại đơn khởi kiện ngày 31/8/2022 Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu bà Lê N và bà Văn Thị N1 cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Tại hợp đồng tín dụng số ĐH-69-019/2020-HĐCVHM/NHCT862 bà Văn Thị N1 ký với tư cách là người liên đới nghĩa vụ trả nợ; Tại các giấy nhận nợ thì chỉ có bà Lê N ký tên nhận nợ; Đồng thời tại biên bản hoà giải ngày 07/6/2023 thì bà Lê N thừa nhận toàn bộ khoản nợ và đồng ý trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP C. Do đó Ngân hàng TMCP C rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Văn Thị N1. Ngân hàng không yêu cầu bà Văn Thị N1 liên đới trả nợ với bà N tại Ngân hàng. Ngân hàng TMCP C chỉ khởi kiện yêu cầu bà Lê N có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP C yêu cầu bà Lê N có trách nhiệm trả số nợ 503.443.866 đồng (trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/9/2023 là 103.443.866 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bà N không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu gia hạn thêm thời gian trả nợ của bà Trần Thị G thì giữa Ngân hàng và bà N, bà G sẽ thoả thuận thời gian trả nợ trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn bà Lê N trình bày: Năm 2020 bà có ký kết vay tiền tại Ngân hàng TMCP C – Phòng giao dịch huyện Đ để vay số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên bà đã trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay thì mẹ của bà là bà Trần Thị G có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 125,2m² tại thửa số 193, tờ bản đồ số 46, đất toạ lạc tại ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 314571 ngày 21/2/2018 do UBND huyện Đ cấp cho bà Trần Thị G.

Bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP C số tiền 435.553.390 đồng (trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 25/8/2022 là 35.553.390 đồng). Đây là nợ riêng của bà không phải nợ của bà Văn Thị N1. Bà

đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền này và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp không trả được nợ thì bà đồng ý giao tài sản để thế chấp để Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng.

+ Bà Trần Thị G trình bày: Từ năm 2018 khi bà Lê N vay tiền tại Ngân hàng TMCP C thì bà có thế chấp tài sản để đảm bảo toàn bộ khoản vay cho bà Lê N là quyền sử dụng đất diện tích 125,2m² tại thửa số 193, tờ bản đồ số 46, đất tọa lạc tại ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 314571 ngày 21/2/2018 do UBND huyện Đ cấp cho bà Trần Thị G.

Trường hợp bà Lê N không trả được nợ thì bà đồng ý giao tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đồng thời bà yêu cầu Ngân hàng G1 thêm thời gian để gia đình bà trả nợ cho Ngân hàng.

Anh Lê B1 đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 293, Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Buộc bà Lê N thanh toán cho Ngân hàng số tiền 503.443.866 đồng (trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/9/2023 là 103.443.866 đồng), đồng thời bà Lê N còn có nghĩa vụ thanh toán lãi suất phát sinh từ ngày 22/9/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Trường hợp bà N không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với bà Văn Thị N1.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Lê N phải chịu theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Buộc bà Lê N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần C khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Lê N, bà Văn Thị N1 cư trú tại ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Bị đơn là bà Lê N, bà Văn Thị N1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê B1 vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2022 Ngân hàng TMCP C khởi kiện bà Lê N và bà Văn Thị N1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 30/6/2023 Ngân hàng TMCP C rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Văn Thị N1; Ngân hàng TMCP C chỉ khởi kiện yêu cầu bà Lê N trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ của bà Lê N, đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP C đã cho bà Lê N vay số tiền 500.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay bổ sung vốn thu mua cá các loại; lãi suất trong hạn 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Phương thức thanh toán trả lãi vay vào ngày 20 hàng tháng, vốn vay trả cuối kỳ.

Căn cứ bản sao kê theo dõi của Ngân hàng, kể từ sau khi vay vốn cho đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện thì bà N đã trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng; Số tiền nợ gốc còn lại bà N không thanh toán đúng hạn, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện đối với bà Lê N là có căn cứ.

Đối với khoản nợ vay cũng như lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thì bà Lê N hoàn toàn thống nhất và đồng ý trả nợ như Ngân hàng yêu cầu. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 503.443.866 đồng (trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/9/2023 là 103.443.866 đồng).

Ngoài ra, bà Lê N còn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/9/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

[4] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo cho khoản vay của bà Lê N tại Ngân hàng TMCP C, bà Trần Thị G đã ký kết hợp đồng thế chấp số ĐH-63-022/2018-HĐBĐ/NHCT862 ngày 05/03/2018 thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 125,2m² tại thửa số 193, tờ bản đồ số 46, đất tọa lạc tại ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 314571 ngày 21/2/2018 do UBND huyện Đ cấp cho bà Trần Thị G.

Theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng thế chấp, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng TMCP C để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ của bà Lê N tại Ngân hàng. Đồng thời bà Trần Thị G và bà Lê N cùng thống nhất đồng ý giao tài sản thế chấp để phát mãi khi bà Lê N không thanh toán được nợ cho Ngân hàng. Do đó yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 293 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[5] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn hoàn lại cho nguyên đơn số tiền đã dự nộp và chỉ hết là 1.500.000 đồng.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê N phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 293, Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Buộc bà Lê N thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 503.443.866 đồng (trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/9/2023 là 103.443.866 đồng).

Kể từ ngày 22/9/2023 bà Lê N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lê N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất diện tích 125,2m² tại thửa số 193, tờ bản đồ số 46, đất toạ lạc tại ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 314571 ngày 21/2/2018 do UBND huyện Đ cấp cho bà Trần Thị G.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với bà Văn Thị N1.

3. Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Buộc bà Lê Nhung h lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền 1.500.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bà Lê N phải chịu án phí sơ thẩm là 24.137.754 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C không phải nộp án phí. Đại diện Ngân hàng đã dự nộp 10.533.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0009532 ngày 18/10/2022 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Cơ quan THA huyện Đông Hải;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Ghết